Bài 16. Định dạng khung

* Nhận biết:

Câu 1: Thuộc tính nào trong CSS được sử dụng để định dạng kiểu đường viền của một phần tử HTML?

A. border-color

B. border-style

C. border-width

D. border-radius

Đáp án đúng: B

Câu 2: Giá trị nào sau đây là một giá trị hợp lệ của thuộc tính border-style?

A. solid

B. blue

C. 2px

D. round

Đáp án đúng: A

Câu 3: Thuộc tính nào trong CSS được sử dụng để thiết lập độ dày của đường viền?

A. border-color

B. border-style

C. border-width

D. border-spacing

Đáp án đúng: C

Câu 4: Để định dạng màu sắc của đường viền trong CSS, bạn sử dụng thuộc tính nào?

A. border-color

B. border-style

C. border-width

D. background-color

Đáp án đúng: A

Câu 5: Thuộc tính nào sau đây là thuộc tính viết tắt để định dạng cả kiểu, độ dày và màu sắc của đường viền trong CSS?

A. border

B. border-top

C. border-bottom

D. border-left

Đáp án đúng: A

* Thông hiểu:

Câu 6. Phần tử nào sau đây được coi là phần tử khối?

A.

B.

C. <a>

D.

Đáp án đúng: B.

Câu 7. Thuộc tính nào dưới đây không phải là thuộc tính định dạng khung?

A. border

B. padding

C. background-color

D. margin

Đáp án đúng: C. background-color

Câu 8. Câu lệnh CSS nào sau đây đúng để thiết lập một bộ chọn lớp?

A. #classname { color: red; }

B. .classname { color: red; }

C. classname { color: red; }

D. *classname { color: red; }

Đáp án đúng: B. .classname { color: red; }

Câu 9. Phần tử nào sau đây là phần tử nội tuyến?

A. <h1>

B. <p>

C.

D.

Đáp án đúng: D.

Câu 10. Câu lệnh CSS nào sau đây dùng để ẩn một phần tử?

A. display: block;

B. display: inline;

C. display: none;

D. visibility: visible;

Đáp án đúng: C. display: none;

* Vận dụng:

Câu 11. Giả sử bạn đang thiết kế một trang web với hai phần: một phần điều hướng bên trái và một phần nội dung bên phải. Bạn muốn sử dụng khung để thực hiện điều này. Dưới đây là đoạn mã HTML bạn sẽ sử dụng. Hãy chọn đoạn mã đúng:

A. <frameset rows="*" cols="200,*">

<frame src="navbar.html">

<frame src="content.html">

</frameset>

B. <frameset cols="200,600">

<frame src="navbar.html">

<frame src="content.html">

</frameset>

C. <frameset rows="200,*">

<frame src="navbar.html">

<frame src="content.html">

</frameset>

D. <frameset cols="*,200">

<frame src="navbar.html">

<frame src="content.html">

</frameset>

Câu 12. Bạn muốn tạo một trang web với các phần tử có viền khác nhau. Hãy viết CSS đúng để thiết lập viền 2px màu đỏ cho tất cả các phần tử có class là "box". Chọn đoạn mã đúng:

A. .box {

border: 2px solid red;

}

B. .box {

border: red 2px;

}

C. .box {

border: 2px dashed red;

}

D. .box {

border-color: red;

border-width: 2px;

}

Câu 13. Nếu bạn muốn ẩn một phần tử HTML nhưng vẫn giữ cho nó chiếm không gian trên trang, bạn sẽ sử dụng thuộc tính display nào trong CSS?

A. none
B. block
C. inline
D. hidden

Câu 14. Khi thiết kế một trang web cần hiển thị thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, bạn nên sử dụng thẻ nào để chèn một trang web khác vào trang của bạn?

A. <frame>

B. <iframe>

C. <embed>

D. <object>

Câu 15. Nếu bạn đang thiết kế một bảng điều khiển với nhiều nội dung khác nhau, bạn nên sử dụng thuộc tính CSS nào để tạo khoảng cách giữa các phần tử trong bảng?

A. margin

B. padding

C. border

D. spacing

*** Câu hỏi Đúng/Sai:**

Câu 1. Một trang web được xây dựng để hiển thị thông tin về trường học, sử dụng HTML và CSS để định dạng khung cho các phần tử. Một số học sinh đã đưa ra các nhận xét sau:

a) Phần tử khối (block element) luôn bắt đầu từ đầu hàng và chiếm toàn bộ chiều rộng của trang web. (Đ-B)

b) Phần tử nội tuyến (inline element) tự động xuống dòng khi hiển thị trên trang web. (S-B)

c) Thuộc tính display: block có thể được sử dụng để biến một phần tử nội tuyến thành phần tử khối. (Đ-H)

d) Nếu một phần tử được định dạng với thuộc tính border: 2px solid black; nhưng không thay đổi giá trị display, thì nó sẽ chiếm toàn bộ chiều rộng của phần tử cha. (S-V)

Câu 2. Một học sinh đang thiết kế trang web và sử dụng CSS để định dạng khung cho các phần tử. Dựa trên bài học "Định dạng khung", các bạn trong lớp đã đưa ra các nhận xét sau:

a) Thuộc tính border trong CSS được sử dụng để tạo viền bao quanh phần tử. (Đ-B)

b) Thuộc tính margin xác định khoảng cách giữa nội dung và viền của phần tử. (S-B)

c) Khung của một phần tử nội tuyến không hỗ trợ thuộc tính width và height nếu không thay đổi giá trị của thuộc tính display. (Đ-H)

d) Nếu một phần tử có margin: 10px; và padding: 20px;, thì khoảng cách từ nội dung đến viền là 10px và từ viền đến phần tử bên ngoài là 20px. (S-V)

Câu 3. Một nhóm học sinh thảo luận về cách sử dụng bộ chọn trong CSS để định dạng khung cho các phần tử. Dựa trên bài học, các em đưa ra các nhận xét sau:

a) Bộ chọn lớp (class selector) được khai báo bằng dấu chấm (.) trước tên lớp trong CSS. (Đ-B)

b) Bộ chọn mã định danh (id selector) được khai báo bằng dấu chấm (.) trước tên id trong CSS. (S-B)

c) Một phần tử HTML có thể được gán nhiều lớp (class), nhưng chỉ được gán một mã định danh (id) duy nhất trong trang web. (Đ-H)

d) Nếu một phần tử có class="highlight" và CSS khai báo .highlight { background-color: yellow; border: 1px solid black; }, thì phần tử này sẽ có màu nền xanh và viền đen dày 1px. (S-V)

Câu 4. Một học sinh sử dụng CSS để định dạng khung và bộ chọn cho trang web giới thiệu sách. Dựa trên bài học "Định dạng khung", các bạn trong lớp đưa ra các nhận xét sau:

a) Thuộc tính padding xác định khoảng cách giữa nội dung và viền của phần tử. (Đ-B)

b) Một phần tử nội tuyến như không thể chứa các phần tử khối như bên trong nó. (S-B)

c) Thuộc tính display: inline sẽ khiến một phần tử khối hiển thị trên cùng một dòng với các phần tử khác mà không xuống dòng. (Đ-H)

d) Nếu một phần tử <h1> có id="title" và CSS khai báo #title { border: 2px dashed red; padding: 5px; }, thì khoảng cách từ nội dung đến viền là 2px và viền sẽ có dạng nét đứt màu đỏ. (S-V)

Câu 5. Một học sinh thực hành định dạng khung và bộ chọn trên một trang web thử nghiệm. Dựa trên bài học, các bạn trong lớp đưa ra các nhận xét sau:

a) Thuộc tính display: none khiến phần tử không hiển thị trên trang web. (Đ-B)

b) Bộ chọn thuộc tính trong CSS có thể chọn các phần tử dựa trên giá trị của thuộc tính, ví dụ: a[target]. (Đ-B)

c) Nếu một phần tử có class="note" và class="warning" cùng lúc, thì nó chỉ áp dụng định dạng từ bộ chọn .note và bỏ qua .warning. (S-H)

d) Nếu một phần tử <p> có CSS khai báo p { margin: 15px; border: 1px solid blue; display: block; }, thì phần tử này sẽ hiển thị trên một dòng mới và có viền xanh bao quanh với khoảng cách bên ngoài là 15px. (S-V)

Bài 17. Các mức ưu tiên của bộ chọn

*** Nhận biết:**

Câu 16. Bộ chọn lớp giả (pseudo-class) trong CSS được sử dụng để làm gì?

A. Định dạng một phần cụ thể của phần tử HTML (như dòng đầu tiên, ký tự đầu tiên).

B. Định dạng các trạng thái đặc biệt của phần tử HTML (như khi di chuột, khi nhấn).

C. Tạo một phần tử mới trong HTML mà không cần khai báo trong mã nguồn.

D. Áp dụng định dạng cho tất cả các phần tử HTML trên trang web.

Đáp án đúng: B

Câu 17. Cú pháp khai báo của bộ chọn phần tử giả (pseudo-element) trong CSS là gì?

A. tên_phần_tử:tên_phần_tử_giả { thuộc_tính: giá_trị; }

B. tên_phần_tử::tên_phần_tử_giả { thuộc_tính: giá_trị; }

C. tên_phần_tử#tên_phần_tử_giả { thuộc_tính: giá_trị; }

D. tên_phần_tử.tên_phần_tử_giả { thuộc_tính: giá_trị; }

Đáp án đúng: B

Câu 18. Ví dụ nào sau đây là một bộ chọn lớp giả (pseudo-class)?

A. ::first-line

B. ::first-letter

C. :hover

D. ::before

Đáp án đúng: C

Câu 19. Trong CSS, trọng số của bộ chọn ID (#id) được tính là bao nhiêu?

A. 1
B. 10
C. 100
D. 1000

Đáp án đúng: C

Câu 20. Khi nhiều mẫu định dạng CSS áp dụng cho cùng một phần tử và có trọng số bằng nhau, mẫu nào sẽ được áp dụng?

A. Mẫu có trọng số cao nhất.

B. Mẫu được viết đầu tiên trong danh sách.

C. Mẫu được viết cuối cùng trong danh sách.

D. Mẫu sử dụng !important.

Đáp án đúng: C

*** Thông hiểu:**

Câu 21. Bộ chọn lớp giả (pseudo-class) :hover được sử dụng để làm gì trong CSS?

A. Định dạng dòng đầu tiên của một đoạn văn để nổi bật hơn.
B. Thay đổi trạng thái của phần tử khi người dùng di chuột qua phần tử đó.
C. Tạo một phần tử mới trước hoặc sau phần tử HTML hiện có.
D. Định dạng ký tự đầu tiên của đoạn văn thành chữ lớn hơn.

Đáp án đúng: B

Câu 22. Tại sao cần sử dụng bộ chọn phần tử giả (pseudo-element) như ::first-line trong CSS?

A. Để thay đổi trạng thái của phần tử khi người dùng tương tác với nó.

B. Để định dạng một phần cụ thể của phần tử HTML mà không cần thêm thẻ bổ sung.

C. Để áp dụng định dạng cho tất cả các phần tử HTML trên trang web.

D. Để xác định trọng số ưu tiên của các mẫu định dạng CSS.

Đáp án đúng: B

Câu 23. Trong đoạn mã CSS sau:

```
p { color: blue; }
p { color: red; }
```

Màu chữ của đoạn văn <p> sẽ là gì và tại sao?

A. Màu xanh, vì mẫu định dạng đầu tiên được ưu tiên.

B. Màu đỏ, vì mẫu định dạng cuối cùng được áp dụng khi trọng số bằng nhau.

C. Màu xanh, vì trọng số của mẫu đầu tiên cao hơn.

D. Không có màu, vì CSS không áp dụng được khi có hai mẫu cùng trọng số.

Đáp án đúng: B

Câu 24. Xét đoạn mã CSS sau:

```
#menu { color: green; }
.item { color: blue; }
```

Nếu một phần tử có cả id="menu" và class="item", màu chữ của phần tử đó sẽ là gì?

A. Màu xanh, vì class có trọng số cao hơn ID.

B. Màu xanh, vì mẫu định dạng của class được viết sau.

C. Màu xanh lá, vì ID có trọng số cao hơn class.

D. Không có màu, vì hai mẫu định dạng xung đột nhau.

Đáp án đúng: C

Câu 25. Trọng số của bộ chọn .header a span được tính như thế nào và bằng bao nhiêu?

A. Trọng số = 10 (1 class) + 1 (1 phần tử) = 11.

B. Trọng số = 10 (1 class) + 1 (1 phần tử) + 1 (1 phần tử) = 12.

C. Trọng số = 100 (1 class) + 1 (1 phần tử) + 1 (1 phần tử) = 102.

D. Trọng số = 10 (1 class) + 10 (1 phần tử) + 10 (1 phần tử) = 30.

Đáp án đúng: B

*** Vận dụng:**

Câu 26. Bạn muốn khi người dùng di chuột qua một liên kết (<a>), màu chữ của liên kết sẽ chuyển thành đỏ. Mã CSS nào dưới đây là đúng để thực hiện yêu cầu này?

A. a::hover { color: red; }

B. a:hover { color: red; }

C. a#hover { color: red; }

D. a.color:hover { color: red; }

Đáp án đúng: B

Câu 27. Bạn muốn định dạng ký tự đầu tiên của mỗi đoạn văn (<p>) thành chữ in đậm và có kích thước lớn gấp đôi bình thường. Mã CSS nào dưới đây là đúng?
A. p-first-letter { font-weight: bold; font-size: 2em; }
B. p::first-letter { font-weight: bold; font-size: 2em; }
C. p:first-letter { font-weight: bold; font-size: 200%; }
D. p-first-letter { font-weight: bold; font-size: 200%; }
Đáp án đúng: B
Câu 28. Xét đoạn mã CSS sau:

```
div { color: blue; }
#special { color: green; }
.text { color: red; }
```

Một phần tử HTML có cấu trúc: Nội dung . Màu chữ của phần tử này sẽ là gì?
A. Màu xanh (blue), vì thẻ div được viết đầu tiên.
B. Màu đỏ (red), vì class .text có trọng số cao nhất.
C. Màu xanh lá (green), vì ID #special có trọng số cao nhất.
D. Không có màu, vì các mẫu định dạng xung đột nhau.
Đáp án đúng: C
Câu 29. Bạn cần định dạng dòng đầu tiên của một đoạn văn (<p>) có id là "intro" thành chữ nghiêng và màu tím. Mã CSS nào dưới đây là phù hợp nhất?
A. #intro::first-line { font-style: italic; color: purple; }
B. #intro-first-line { font-style: italic; color: purple; }

C. #intro { font-style: italic; color: purple; }
D. #intro-first-line { font-style: italic; color: purple; }
Đáp án đúng: A
Câu 30. Xét đoạn mã CSS sau:
.header a { color: black; }
a.special { color: yellow; }
Một phần tử HTML có cấu trúc: Liên kết . Màu chữ của liên kết này sẽ là gì?
A. Màu đen (black), vì .header a có trọng số cao hơn.
B. Màu vàng (yellow), vì a.special có trọng số cao hơn.
C. Màu đen (black), vì .header a được viết trước.
D. Màu vàng (yellow), vì a.special được viết sau.
Đáp án đúng: B

*** Câu hỏi Đúng/Sai:**

Câu 6. Trong CSS, các bộ chọn lớp giả (pseudo-class) và phần tử giả (pseudo-element) được sử dụng để tăng tính tương tác và định dạng đặc biệt cho trang web. Hãy xác định các phát biểu sau là Đúng hay Sai:
a) Bộ chọn lớp giả (pseudo-class) dùng để định dạng các trạng thái đặc biệt của phần tử HTML, như :hover, :focus.
b) Cú pháp khai báo của bộ chọn phần tử giả (pseudo-element) là tên_phần_tử:tên_phần_tử_giả { thuộc_tính: giá_trị; }.
c) Bộ chọn :hover giúp thay đổi trạng thái của phần tử khi người dùng di chuột qua phần tử đó.
d) Nếu sử dụng đoạn mã CSS: p::first-letter { font-size: 2em; }, ký tự đầu tiên của mỗi đoạn văn sẽ có kích thước lớn gấp đôi bình thường.
Đáp án:
a) Đúng
b) Sai (Giải thích: Cú pháp đúng là tên_phần_tử::tên_phần_tử_giả, không phải :).
c) Đúng
d) Đúng
Câu 7. Khi thiết kế trang web, việc xác định thứ tự ưu tiên của các mẫu định dạng CSS rất quan trọng để đảm bảo hiển thị đúng ý muốn. Hãy xác định các phát biểu sau là Đúng hay Sai:
a) Trọng số của bộ chọn ID (#id) trong CSS được tính là 100.
b) Bộ chọn * có trọng số cao nhất trong CSS và áp dụng cho tất cả các phần tử.
c) Nếu hai mẫu định dạng có trọng số bằng nhau, mẫu được viết cuối cùng sẽ được áp dụng.
d) Xét đoạn mã CSS: #menu { color: blue; } .item { color: red; }, nếu một phần tử có cả id="menu" và class="item", màu chữ sẽ là xanh dương vì ID có trọng số cao hơn.

Đáp án:
a) Đúng
b) Sai (Giải thích: Bộ chọn * có trọng số thấp nhất, không phải cao nhất).
c) Đúng
d) Đúng

Câu 8. Trong bài học về CSS, bạn đã được tìm hiểu về các bộ chọn như :link, ::before, và cách chúng giúp định dạng trang web một cách linh hoạt hơn. Hãy xác định các phát biểu sau là Đúng hay Sai:
a) Bộ chọn lớp giả :link dùng để định dạng liên kết chưa được truy cập.
b) Bộ chọn phần tử giả ::before dùng để định dạng trạng thái của phần tử khi người dùng tương tác.

c) Bộ chọn ::before và ::after thường được dùng để thêm nội dung trước hoặc sau phần tử HTML mà không cần thay đổi mã HTML.
d) Để thêm một biểu tượng trước mỗi đoạn văn, bạn có thể dùng: p::before { content: "★ "; }.

Đáp án:
a) Đúng
b) Sai (Giải thích: ::before không định dạng trạng thái mà dùng để thêm nội dung trước phần tử).
c) Đúng
d) Đúng

Câu 9. Khi làm việc với CSS, bạn cần hiểu cách tính trọng số của các bộ chọn để dự đoán kết quả hiển thị khi có nhiều mẫu định dạng áp dụng cho cùng một phần tử. Hãy xác định các phát biểu sau là Đúng hay Sai:
a) Trọng số của bộ chọn class (.class) trong CSS được tính là 10.
b) Bộ chọn !important có trọng số thấp nhất trong CSS nên ít được sử dụng.
c) Trọng số của bộ chọn .header a span là 12, vì có 1 class (10) và 2 phần tử (2).
d) Xét đoạn mã CSS: div { color: blue; } div { color: red; }, nếu một phần tử được áp dụng, màu chữ sẽ là xanh dương vì mẫu đầu tiên được ưu tiên.

Đáp án:
a) Đúng
b) Sai (Giải thích: !important có thứ tự ưu tiên cao nhất, không phải thấp nhất).
c) Đúng
d) Sai (Giải thích: Khi trọng số bằng nhau, mẫu cuối cùng được áp dụng, nên màu chữ sẽ là đỏ, không phải xanh dương).

Câu 10. Trong một dự án thiết kế trang web, bạn cần sử dụng các bộ chọn lớp giả và phần tử giả để tạo hiệu ứng tương tác và định dạng đặc biệt, đồng thời chú ý đến thứ tự ưu tiên của CSS. Hãy xác định các phát biểu sau là Đúng hay Sai:
a) Bộ chọn lớp giả :active dùng để định dạng phần tử khi người dùng nhấn vào phần tử đó.
b) Bộ chọn phần tử giả ::first-letter dùng để định dạng dòng đầu tiên của phần tử HTML.
c) Sử dụng pseudo-class như :hover giúp trang web sinh động hơn bằng cách thay đổi trạng thái khi người dùng di chuột qua phần tử.
d) Xét đoạn mã CSS: a { color: black; } a.special { color: yellow; }, nếu một phần tử <a class="special"> được áp dụng, màu chữ sẽ là đen vì mẫu a được viết trước.

Đáp án:
a) Đúng
b) Sai (Giải thích: ::first-letter định dạng ký tự đầu tiên, không phải dòng đầu tiên – dòng đầu tiên dùng ::first-line).
c) Đúng
d) Sai (Giải thích: Trọng số của a.special (11) cao hơn a (1), nên màu chữ sẽ là vàng, không phải đen).

Bài 18. Thực hành tổng hợp thiết kế trang web

*** Nhận biết:**

Câu 31. Để liên kết một tệp CSS với một tệp HTML, thẻ nào sau đây được sử dụng?

A. <style>
B. <script>
C. <link>
D. <meta>

Đáp án đúng: C

Câu 32. Theo yêu cầu của bài học "Bài 18. Thực hành tổng hợp thiết kế trang web", cấu trúc tối thiểu của website cần có bao nhiêu trang?

A. 1 trang chủ và 1 trang con
B. 1 trang chủ và 2 trang con
C. 2 trang chủ và 1 trang con
D. Chỉ cần 1 trang duy nhất

Đáp án đúng: B

Câu 33. Trong bài học "Bài 18. Thực hành tổng hợp thiết kế trang web", thành phần nào sau đây bắt buộc phải có trên trang chủ của website?

A. Bài viết chi tiết về hoạt động của câu lạc bộ
B. Biểu mẫu đăng ký thành viên câu lạc bộ
C. Logo, banner, slogan và giới thiệu sơ bộ về các câu lạc bộ
D. Danh sách tất cả các thành viên của câu lạc bộ

Đáp án đúng: C

Câu 34. Theo bài học "Bài 18. Thực hành tổng hợp thiết kế trang web", tệp nào sau đây chứa các mẫu định dạng CSS được sử dụng chung cho các tệp HTML?

A. index.html
B. thethao.html
C. style.css
D. nghethuat.html

Đáp án đúng: C

Câu 35. Theo tiêu chí đánh giá sản phẩm trong bài học "Bài 18. Thực hành tổng hợp thiết kế trang web", tiêu chí nào sau đây thuộc phần "Hình thức"?

A. Đúng chủ đề được yêu cầu, nội dung bài viết chính xác
B. Đảm bảo cấu trúc tối thiểu gồm 1 trang chủ và 2 trang con
C. Bố cục khoa học, phù hợp, đẹp mắt
D. Tạo được liên kết từ trang chủ tới các trang con

Đáp án đúng: C

*** Thông hiểu:**

Câu 36. Tại sao việc sử dụng một tệp CSS chung (style.css) cho các tệp HTML được khuyến khích trong bài học "Bài 18. Thực hành tổng hợp thiết kế trang web"?

A. Để tăng tốc độ tải trang web bằng cách giảm số lượng tệp HTML
B. Để đảm bảo tính thống nhất về định dạng giữa các trang trong website
C. Để thay thế hoàn toàn các thẻ HTML trong việc xây dựng cấu trúc trang
D. Để giảm số lượng liên kết giữa các trang trong website

Đáp án đúng: B

Câu 37. Trong bài học "Bài 18. Thực hành tổng hợp thiết kế trang web", việc chia bố cục thành các lớp như .row, .block_3, .block_2 trong tệp CSS có ý nghĩa gì?

A. Để tăng số lượng lớp CSS nhằm làm trang web phức tạp hơn
B. Để dễ dàng tái sử dụng định dạng cho các thành phần có cấu trúc tương tự
C. Để thay thế hoàn toàn các thẻ HTML như và <p>
D. Để giảm thời gian tải trang web bằng cách giảm số lượng thuộc tính CSS

Đáp án đúng: B

Câu 38. Theo bài học "Bài 18. Thực hành tổng hợp thiết kế trang web", tại sao cần tạo liên kết từ trang chủ (index.html) đến các trang con (thethao.html, nghethuat.html)?

A. Để tăng số lượng tệp HTML trong website
B. Để người dùng dễ dàng điều hướng từ trang chủ đến các trang chi tiết về câu lạc bộ
C. Để tăng tốc độ tải trang bằng cách giảm nội dung trên trang chủ
D. Để thay thế các tệp CSS trong việc định dạng trang web

Đáp án đúng: B

Câu 39. Theo tiêu chí đánh giá sản phẩm trong bài học "Bài 18. Thực hành tổng hợp thiết kế trang web", tiêu chí "Hình ảnh và video chất lượng tốt, phù hợp với nội dung" thuộc phần nào?

A. Tiêu chí về cấu trúc
B. Tiêu chí về nội dung
C. Tiêu chí về hình thức
D. Tiêu chí về liên kết

Đáp án đúng: C

Câu 40. Trong bài học "Bài 18. Thực hành tổng hợp thiết kế trang web", nếu phần đầu trang (banner, slogan) của trang con được sao chép từ trang chủ (index.html), điều này nhằm mục đích gì?

A. Để tăng số lượng mã HTML trong các tệp trang con
B. Để đảm bảo tính thống nhất về giao diện giữa các trang của website
C. Để giảm số lượng lớp CSS cần tạo trong tệp style.css
D. Để thay thế các liên kết giữa các trang bằng nội dung giống nhau

Đáp án đúng: B

*** Vận dụng:**

Câu 41. Em cần tạo một khối slogan trên trang chủ gồm 3 ô ngang, mỗi ô chiếm 1/3 chiều rộng trang. Lớp CSS nào sau đây là phù hợp nhất để định dạng mỗi ô?

A. .block_3 { width: 33.33%; float: left; }
B. .block_3 { width: 50%; float: left; }
C. .block_3 { width: 100%; display: block; }
D. .block_3 { width: 25%; float: right; }

Đáp án đúng: A

Câu 42. Trong tệp index.html, bạn muốn tạo liên kết từ tên câu lạc bộ "Thể thao" đến trang thethao.html. Cú pháp HTML nào sau đây là đúng?

A. Thể thao
B. Thể thao
C. <link href="thethao.html">Thể thao</link>
D. Thể thao

Đáp án đúng: A

Câu 43. Bạn đã tạo tệp style.css với lớp .banner { background: blue; color: white; }. Để áp dụng lớp này cho phần đầu trang của tệp index.html, đoạn mã HTML nào sau đây là đúng?

A. Tiêu đề trang web
B. Tiêu đề trang web
C. Tiêu đề trang web
D. Tiêu đề trang web

Đáp án đúng: A

Câu 44. Trong phần nội dung của trang chủ, bạn cần chia thành 2 hàng, mỗi hàng có 2 cột bằng nhau. Lớp CSS nào sau đây là phù hợp để định dạng mỗi cột?

A. .block_2 { width: 50%; float: left; }
B. .block_2 { width: 33.33%; float: left; }
C. .block_2 { width: 100%; float: right; }
D. .block_2 { width: 25%; float: left; }

Đáp án đúng: A

Câu 45. Sau khi hoàn thiện trang web, bạn muốn thêm hiệu ứng đổi màu nền của lớp .block_2 thành đỏ khi người dùng di chuột qua. Đoạn mã CSS nào sau đây là đúng?

A. .block_2:hover { background: red; }
B. .block_2:focus { background: red; }
C. .block_2:active { background: red; }
D. .block_2:link { background: red; }

Đáp án đúng: A

*** Câu hỏi Đúng/Sai:**

Câu 11. Trong bài học "Bài 18. Thực hành tổng hợp thiết kế trang web", việc thiết kế một website giới thiệu các câu lạc bộ ngoại khóa yêu cầu học sinh ôn tập và áp dụng các kiến thức HTML và CSS đã học. Hãy xác định các phát biểu sau là Đúng hay Sai:
a) Thẻ <link> được sử dụng để liên kết tệp CSS với tệp HTML.

b) Theo bài học, website cần có tối thiểu 1 trang chủ và 3 trang con.
c) Việc sử dụng một tệp CSS chung giúp đảm bảo tính thống nhất về định dạng giữa các trang trong website.
d) Để tạo liên kết từ trang chủ (index.html) đến trang con (thethao.html), có thể sử dụng thẻ <link href="thethao.html">Thể thao</link>.

Đáp án:
a) Đúng
b) Sai (Giải thích: Theo bài học, website cần tối thiểu 1 trang chủ và 2 trang con, không phải 3 trang con).
c) Đúng
d) Sai (Giải thích: Để tạo liên kết đến trang con, cần dùng thẻ Thể thao, không phải thẻ <link> – thẻ <link> dùng để liên kết CSS).

Câu 12. Bài học "Bài 18. Thực hành tổng hợp thiết kế trang web" yêu cầu học sinh làm việc nhóm để xây dựng website, từ việc phác thảo bố cục đến viết mã HTML và CSS. Hãy xác định các phát biểu sau là Đúng hay Sai:
a) Lớp .block_3 trong tệp CSS được dùng để định dạng các ô trong khối slogan trên trang chủ.
b) Tiêu chí đánh giá sản phẩm bao gồm phần "Hình thức", trong đó yêu cầu bố cục phải khoa học, đẹp mắt.
c) Phần nội dung của trang chủ cần chia thành 2 hàng, mỗi hàng 3 cột để chứa thông tin các câu lạc bộ.
d) Để định dạng mỗi cột trong phần nội dung trang chủ thành 2 cột bằng nhau, có thể dùng lớp .block_2 { width: 50%; float: left; }.

Đáp án:
a) Đúng
b) Đúng
c) Sai (Giải thích: Theo bài học, phần nội dung trang chủ chia thành 2 hàng, mỗi hàng 2 cột, không phải 3 cột).
d) Đúng

Câu 13. Trong quá trình thực hành "Bài 18. Thực hành tổng hợp thiết kế trang web", học sinh cần tạo các tệp HTML và CSS, đồng thời đảm bảo các trang có liên kết và định dạng phù hợp. Hãy xác định các phát biểu sau là Đúng hay Sai:
a) Tệp style.css chứa các lớp như .banner, .row, .block_3 để định dạng các thành phần của trang web.
b) Trang con như thethao.html và nghethuat.html phải có phần đầu trang và chân trang giống trang chủ.
c) Việc sao chép phần đầu trang từ index.html sang các trang con giúp tăng số lượng mã HTML để dễ quản lý.
d) Để thêm hiệu ứng đổi màu nền khi di chuột qua lớp .block_2, có thể dùng đoạn mã .block_2:hover { background: red; }.

Đáp án:
a) Đúng
b) Đúng
c) Sai (Giải thích: Sao chép phần đầu trang nhằm đảm bảo tính thống nhất về giao diện, không phải

để tăng số lượng mã HTML hay dễ quản lý).
d) Đúng

Câu 14. Bài học "Bài 18. Thực hành tổng hợp thiết kế trang web" khuyến khích học sinh tự đánh giá sản phẩm và đề xuất cải thiện để hoàn thiện website của nhóm mình. Hãy xác định các phát biểu sau là Đúng hay Sai:
a) Tiêu chí đánh giá sản phẩm yêu cầu trang chủ phải có logo, banner, slogan và nội dung giới thiệu sơ bộ về các câu lạc bộ.
b) Trong phần chân trang của trang chủ, cần có thông tin liên hệ và liên kết tới các trang mạng xã hội.
c) Việc tự đánh giá sản phẩm giúp học sinh nhận ra các điểm cần cải thiện, như bổ sung hiệu ứng hoặc thay đổi màu sắc.
d) Nếu muốn bổ sung trang đăng ký (dang_ki.html), cần tạo liên kết từ trang chủ đến trang này bằng thẻ <link>.

Đáp án:
a) Đúng
b) Đúng
c) Đúng
d) Sai (Giải thích: Để tạo liên kết đến trang dang_ki.html, cần dùng thẻ <a href="dang_ki.html">, không phải thẻ <link> – thẻ <link> dùng để liên kết CSS).

Câu 15. Sau khi hoàn thiện website, học sinh được yêu cầu trình bày sản phẩm và nhận phản hồi từ giáo viên và bạn bè để rút kinh nghiệm. Hãy xác định các phát biểu sau là Đúng hay Sai:
a) Theo bài học, mỗi nhóm cần tạo 3 tệp HTML: index.html, thethao.html, và nghethuat.html.
b) Lớp .footer trong tệp CSS được dùng để định dạng phần chân trang của website.
c) Việc chia phần nội dung thành các lớp như .row_content và .block_2 giúp tái sử dụng định dạng và đảm bảo bố cục cân đối.
d) Để hiển thị 3 ô ngang trong khối slogan, có thể dùng lớp .block_3 { width: 25%; float: left; } để mỗi ô chiếm 1/3 chiều rộng trang.

Đáp án:
a) Đúng
b) Đúng
c) Đúng
d) Sai (Giải thích: Để mỗi ô chiếm 1/3 chiều rộng trang, cần dùng .block_3 { width: 33.33%; float: left; }, không phải 25%).

Bài 19. Dịch vụ sửa chữa và bảo trì máy tính

Câu 46. Công việc chính của người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính bao gồm những gì?
A. Chỉ sửa chữa phần cứng máy tính
B. Sửa chữa phần cứng, bảo trì phần mềm, và hỗ trợ người dùng
C. Chỉ lập trình phần mềm quản lý máy tính
D. Chỉ thiết kế giao diện website

Đáp án đúng: B

Câu 47. Một trong những kiến thức cần thiết để làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính là gì?
A. Thiết kế đồ họa 3D
B. Kiến thức về phần cứng và phần mềm máy tính
C. Viết mã nguồn cho trò chơi điện tử
D. Quản lý tài chính doanh nghiệp

Đáp án đúng: B

Câu 48. Một kỹ năng mềm quan trọng mà người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính cần có là gì?
A. Kỹ năng lập trình nâng cao
B. Kỹ năng học hỏi và cập nhật kiến thức
C. Kỹ năng thiết kế thời trang
D. Kỹ năng nấu ăn chuyên nghiệp

Đáp án đúng: B

Câu 49. Nhu cầu nhân lực về nghề sửa chữa và bảo trì máy tính tăng do đâu?
A. Sự phát triển của ngành thời trang
B. Cách mạng công nghiệp 4.0 và sự phổ biến của thiết bị kỹ thuật số
C. Sự gia tăng của các nhà hàng trực tuyến
D. Sự phát triển của ngành nông nghiệp

Đáp án đúng: B

Câu 50. Một thách thức mà người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính phải đối mặt là gì?
A. Thiếu hụt nguyên liệu sản xuất máy tính
B. Khối lượng công việc ngày càng lớn và yêu cầu bảo mật thông tin cao
C. Thiếu hụt phần mềm lập trình
D. Sự suy giảm nhu cầu sử dụng máy tính

Đáp án đúng: B

Câu 51. Một ngành học liên quan đến nghề sửa chữa và bảo trì máy tính ở Việt Nam là gì?
A. Ngành Sư phạm Ngữ văn
B. Ngành Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính
C. Ngành Y học cổ truyền
D. Ngành Kinh tế quốc tế

Đáp án đúng: B

Câu 52. Ở Việt Nam, các ngành học liên quan đến nghề sửa chữa và bảo trì máy tính được đào tạo ở các bậc học nào?
A. Chỉ ở bậc đại học
B. Từ trung cấp đến đại học
C. Chỉ ở bậc trung học phổ thông
D. Chỉ ở bậc cao học

Đáp án đúng: B

Câu 53. Một ví dụ về ngành nghề khác trong nhóm nghề dịch vụ thuộc ngành CNTT là gì?
A. Nghề đầu bếp chuyên nghiệp
B. Nghề tư vấn dự án CNTT
C. Nghề thiết kế thời trang
D. Nghề hướng dẫn viên du lịch

Đáp án đúng: B

Câu 54. Tại sao việc sửa chữa và bảo trì định kỳ máy tính lại quan trọng?
A. Để tăng giá bán máy tính
B. Để duy trì hiệu suất ổn định và ngăn ngừa sự cố
C. Để giảm số lượng máy tính trong tổ chức
D. Để thay thế hoàn toàn phần mềm cũ

Đáp án đúng: B

Câu 55. Môi trường công ty có vai trò như thế nào trong quá trình học hỏi của người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính?
A. Không có vai trò quan trọng
B. Giúp họ học từ thực tiễn và từ đồng nghiệp
C. Chỉ cung cấp thiết bị làm việc
D. Chỉ hỗ trợ tài chính cho người làm nghề

Đáp án đúng: B

* Thông hiểu:

Câu 56. Tại sao việc bảo trì phần mềm lại được xem là một phần quan trọng trong công việc của người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính?
A. Vì nó giúp tăng giá trị bán lại của máy tính
B. Vì nó đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định và tránh lỗi phần mềm ảnh hưởng đến người dùng
C. Vì nó thay thế hoàn toàn việc sửa chữa phần cứng
D. Vì nó giảm số lượng thiết bị ngoại vi cần bảo trì

Đáp án đúng: B

Câu 57. Tại sao kỹ năng học hỏi và cập nhật kiến thức lại cần thiết cho người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính?
A. Vì công nghệ thay đổi nhanh chóng và đòi hỏi họ phải thích nghi với các thiết bị mới
B. Vì nó giúp họ tránh phải làm việc với phần cứng cũ
C. Vì nó chỉ cần thiết khi làm việc trong môi trường trường học
D. Vì nó thay thế hoàn toàn kỹ năng giao tiếp với khách hàng

Đáp án đúng: A

Câu 58. Tại sao nhu cầu nhân lực về nghề sửa chữa và bảo trì máy tính dự kiến tăng trong tương lai gần?
A. Vì số lượng trường học giảm dần dẫn đến cần nhiều máy tính hơn

B. Vì sự phổ biến của thiết bị kỹ thuật số và dịch vụ trực tuyến đòi hỏi duy trì hệ thống ổn định
C. Vì các công ty ngừng sử dụng phần mềm quản lý
D. Vì sự suy giảm của ngành công nghiệp sản xuất phần cứng

Đáp án đúng: B

Câu 59. Tại sao việc hỗ trợ người dùng được xem là một phần công việc của người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính?
A. Vì nó giúp giảm chi phí sửa chữa phần cứng
B. Vì người dùng thường cần hướng dẫn để sử dụng máy tính và phần mềm hiệu quả
C. Vì nó thay thế hoàn toàn việc bảo trì phần mềm
D. Vì nó chỉ cần thiết khi không có phần cứng bị hỏng

Đáp án đúng: B

Câu 60. Tại sao các ngành học như Công nghệ thông tin ở bậc đại học lại hữu ích cho người muốn làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính?
A. Vì nó cung cấp kiến thức sâu rộng về phần cứng, phần mềm, và mạng để xử lý các vấn đề phức tạp
B. Vì nó chỉ tập trung vào việc lập trình trò chơi điện tử
C. Vì nó thay thế hoàn toàn các khóa học trung cấp về sửa chữa máy tính
D. Vì nó không liên quan đến kỹ năng thực hành thực tế

Đáp án đúng: A

*** Vận dụng:**

Câu 61. Một nhà hàng sử dụng phần mềm đặt bàn trực tuyến, nhưng phần mềm bị lỗi khiến hai khách hàng cùng đặt trùng một bàn. Lức này, người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính nên làm gì để khắc phục?
A. Kiểm tra và cập nhật hoặc sửa lỗi phần mềm quản lý đặt bàn
B. Thay toàn bộ ổ cứng của máy tính để tránh lỗi
C. Xóa phần mềm và yêu cầu nhà hàng sử dụng giấy để ghi chép
D. Chỉ hướng dẫn nhân viên khởi động lại máy tính mà không kiểm tra lỗi

Đáp án đúng: A

Câu 62. Một thông báo tuyển dụng yêu cầu nhân viên sửa chữa máy tính phải có kỹ năng "chẩn đoán và sửa lỗi từ xa". Kỹ năng này liên quan đến thách thức nào của nghề?
A. Sự suy giảm nhu cầu sử dụng máy tính trong doanh nghiệp
B. Sự gia tăng của mô hình làm việc từ xa và dịch vụ trực tuyến
C. Thiếu hụt thiết bị ngoại vi trong các công ty
D. Sự giảm thiểu yêu cầu về bảo mật thông tin

Đáp án đúng: B

Câu 63. Một công ty gặp sự cố máy tính không kết nối được với mạng Internet. Bước đầu tiên mà người làm nghề sửa chữa và bảo trì máy tính nên thực hiện là gì?

A. Thay ngay card mạng mới để đảm bảo kết nối
B. Kiểm tra phần cứng (card mạng) và phần mềm (driver, cấu hình mạng) để xác định nguyên nhân
C. Cài đặt lại toàn bộ hệ điều hành mà không kiểm tra
D. Yêu cầu công ty thay toàn bộ máy tính mới

Đáp án đúng: B

Câu 64. Bạn tìm thấy một thông báo tuyển dụng yêu cầu nhân viên sửa chữa máy tính phải biết "cài đặt driver cho thiết bị ngoại vi". Công việc này thuộc nhóm nào trong các công việc chính của nghề?

A. Sửa chữa phần cứng

B. Bảo trì phần mềm

C. Hỗ trợ người dùng

D. Thiết kế phần mềm quản lý

Đáp án đúng: B

Câu 65. Một học sinh muốn theo nghề sửa chữa và bảo trì máy tính trong tương lai. Để đáp ứng nhu cầu công việc ngày càng cao về bảo mật thông tin, học sinh nên làm gì?
A. Chỉ học các kỹ năng sửa chữa phần cứng cơ bản
B. Tham gia khóa học về bảo mật thông tin để bổ sung kiến thức
C. Tập trung học lập trình trò chơi thay vì bảo mật
D. Tránh học thêm vì công việc không yêu cầu cập nhật kiến thức

Đáp án đúng: B

Bài 20. Nhóm nghề quản trị thuộc ngành Công nghệ thông tin

* Nhận biết:

Câu 66. Nhóm nghề quản trị trong ngành CNTT bao gồm những nghề nào sau đây?
A. Quản trị mạng, Bảo mật hệ thống thông tin, Quản trị và bảo trì hệ thống
B. Lập trình ứng dụng, Thiết kế đồ họa, Quản trị mạng
C. Bảo mật hệ thống thông tin, Sửa chữa phần cứng, Lập trình web
D. Quản trị và bảo trì hệ thống, Phát triển phần mềm, Thiết kế giao diện

Đáp án đúng: A

Câu 67. Công việc chính của nghề Quản trị mạng là gì?
A. Bảo vệ dữ liệu khỏi các cuộc tấn công mạng
B. Kiểm soát và tối ưu hóa hệ thống mạng
C. Duy trì hiệu suất của hệ thống máy tính
D. Phát triển phần mềm quản lý doanh nghiệp

Đáp án đúng: B

Câu 68. Một kiến thức cần thiết để làm nghề Bảo mật hệ thống thông tin là gì?
A. Kiến thức về lập trình trò chơi
B. Kiến thức về bảo mật và đánh giá rủi ro
C. Kiến thức về thiết kế giao diện website
D. Kiến thức về sửa chữa phần cứng

Đáp án đúng: B

Câu 69. Một ngành học liên quan đến nhóm nghề quản trị trong ngành CNTT là gì?
A. Ngành Kinh tế quốc tế
B. Ngành An toàn thông tin
C. Ngành Sư phạm Toán học
D. Ngành Thiết kế thời trang

Đáp án đúng: B

Câu 70. Nhu cầu nhân lực về nhóm nghề quản trị trong ngành CNTT tăng do yếu tố nào sau đây?
A. Sự suy giảm sử dụng công nghệ trong doanh nghiệp
B. Sự phát triển của công nghệ và các mối đe dọa an ninh mạng
C. Sự giảm thiểu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI)
D. Sự ngừng phát triển của mạng 5G

Đáp án đúng: B

* Thông hiểu:

Câu 71. Tại sao nghề Quản trị mạng lại quan trọng đối với một công ty, theo bài học?
A. Vì nó giúp phát triển phần mềm quản lý nhân sự
B. Vì nó đảm bảo hệ thống mạng hoạt động ổn định và hiệu quả
C. Vì nó tập trung vào việc sửa chữa phần cứng máy tính
D. Vì nó thay thế hoàn toàn nghề Bảo mật hệ thống thông tin

Đáp án đúng: B

Câu 72. Tại sao kỹ năng phát hiện mối đe dọa lại cần thiết cho nghề Bảo mật hệ thống thông tin?
A. Vì nó giúp tối ưu hóa tốc độ mạng Internet
B. Vì nó cho phép chuyên gia ngăn chặn các cuộc tấn công mạng như WannaCry
C. Vì nó hỗ trợ việc lập trình ứng dụng di động
D. Vì nó thay thế kỹ năng quản lý hệ thống

Đáp án đúng: B

Câu 73. Tại sao nghề Quản trị và bảo trì hệ thống cần thực hiện backup định kỳ?
A. Vì nó giúp tăng tốc độ xử lý của máy tính
B. Vì nó đảm bảo dữ liệu được khôi phục khi hệ thống gặp sự cố
C. Vì nó thay thế hoàn toàn việc tối ưu hóa mạng
D. Vì nó chỉ cần thiết khi không có chuyên gia bảo mật

Đáp án đúng: B

Câu 74. Tại sao nhu cầu nhân lực về nhóm nghề quản trị trong ngành CNTT tăng trong tương lai gần?
A. Vì sự giảm thiểu sử dụng công nghệ trong doanh nghiệp
B. Vì sự phát triển của công nghệ như AI, IoT và các mối đe dọa an ninh mạng
C. Vì các công ty không cần bảo mật dữ liệu nữa
D. Vì sự ngừng phát triển của mạng 5G và Blockchain

Đáp án đúng: B

Câu 75. Tại sao ngành học An toàn thông tin lại phù hợp với người muốn theo nghề Bảo mật hệ thống thông tin?
A. Vì nó cung cấp kiến thức về lập trình trò chơi điện tử
B. Vì nó trang bị kiến thức chuyên sâu về bảo mật và đánh giá rủi ro
C. Vì nó chỉ tập trung vào quản lý phần cứng máy tính
D. Vì nó không liên quan đến kỹ năng thực hành thực tế

Đáp án đúng: B

Bài 21. Hội thảo hướng nghiệp

Câu 76. Một lĩnh vực sử dụng nhân lực CNTT được đề cập trong hoạt động khởi động của bài học “Bài 21. Hội thảo hướng nghiệp” là gì?
A. Nông nghiệp
B. Y tế
C. Thời trang
D. Du lịch

Đáp án đúng: B

Câu 77. Vai trò chính của chuyên viên CNTT trong một lĩnh vực cụ thể bao gồm nhiệm vụ nào sau đây?
A. Thiết kế quần áo
B. Quản lý hệ thống dữ liệu hoặc xử lý giao dịch trực tuyến
C. Sản xuất máy móc công nghiệp
D. Lập kế hoạch kinh doanh

Đáp án đúng: B

Câu 78. Một nguồn thông tin để tìm hiểu ngành nghề CNTT được gợi ý trong hoạt động luyện tập của bài học “Bài 21. Hội thảo hướng nghiệp” là gì?
A. Sách lịch sử
B. Trang web tuyển dụng như LinkedIn
C. Tạp chí thời trang
D. Báo cáo tài chính doanh nghiệp

Đáp án đúng: B

Câu 79. Theo bài học “Bài 21. Hội thảo hướng nghiệp”, một phần trong dàn ý bài trình bày của hội thảo hướng nghiệp là gì?
A. Giới thiệu lịch sử phát triển của trường học
B. Phân tích cơ hội và thách thức của lĩnh vực sử dụng CNTT
C. Mô tả cách sản xuất sản phẩm công nghiệp
D. Liệt kê các quy định pháp luật

Đáp án đúng: B

Câu 80. Một cơ sở đào tạo CNTT mà học sinh có thể tìm hiểu thông tin là gì?
A. Trường dạy nghề may mặc
B. Đại học Bách Khoa
C. Trường trung cấp nấu ăn
D. Học viện nghệ thuật

Đáp án đúng: B

*** Vận dụng:**

Câu 81. Một nhóm học sinh được phân công chuẩn bị hội thảo hướng nghiệp về vai trò CNTT trong lĩnh vực y tế. Bước đầu tiên nhóm nên làm trong nhiệm vụ “Chuẩn bị hội thảo” là gì?
A. Tạo ngay bài trình chiếu mà không lập kế hoạch
B. Thảo luận và lập kế hoạch sơ bộ, bao gồm chọn lĩnh vực y tế và phân công công việc
C. Thuê chuyên gia mà không cần thảo luận nhóm
D. Chỉ tìm thông tin từ sách mà không họp nhóm

Đáp án đúng: B

Câu 82. Một học sinh muốn tìm hiểu yêu cầu kỹ năng của chuyên viên CNTT trong ngành tài chính để chuẩn bị bài trình bày hội thảo. Theo em, nguồn thông tin nào sau đây là phù hợp nhất để tra cứu?
A. Trang web thời trang trực tuyến
B. Tin tuyển dụng trên LinkedIn về vị trí CNTT trong ngân hàng
C. Báo cáo sản xuất nông nghiệp
D. Diễn đàn nấu ăn trực tuyến

Đáp án đúng: B

Câu 83. Một nhóm học sinh chuẩn bị bài trình bày về CNTT trong sản xuất. Theo em, để đáp ứng tiêu chí “Phân tích cơ hội và thách thức”, nhóm nên làm gì?
A. Chỉ liệt kê tên các trường đào tạo CNTT
B. Phân tích cơ hội phát triển công nghệ tự động hóa và thách thức về bảo mật trong sản xuất
C. Mô tả chi tiết lịch sử ngành sản xuất mà không liên quan đến CNTT
D. Sao chép toàn bộ nội dung từ SGK mà không phân tích

Đáp án đúng: B

Câu 84. Sau hội thảo, một học sinh muốn chia sẻ thông tin về vai trò CNTT trong ngân hàng với bạn bè qua mạng xã hội. Theo em, cách nào sau đây là phù hợp để thực hiện chia sẻ?
A. Tạo một video clip ngắn giới thiệu nhiệm vụ của chuyên viên CNTT trong ngân hàng
B. Đăng một bài viết không liên quan về nấu ăn
C. Chỉ gửi email cho giáo viên mà không chia sẻ với bạn bè
D. Tạo áp phích quảng cáo sản phẩm thời trang

Đáp án đúng: A

Câu 85. Một nhóm học sinh tổ chức hội thảo trực tuyến và gặp vấn đề kỹ thuật về kết nối mạng. Theo em, ai trong ban tổ chức nên chịu trách nhiệm khắc phục vấn đề này?
A. Thành viên phụ trách nội dung bài trình bày
B. Thành viên phụ trách kỹ thuật được phân công trong kế hoạch
C. Chủ tọa hội thảo mà không cần hỗ trợ kỹ thuật
D. Giáo viên thay vì học sinh

Đáp án đúng: B

Bài 22. Thực hành kết nối các thiết bị số

* Nhận biết:

Câu 86. Thiết bị số là gì?
A. Thiết bị chỉ dùng để hiển thị hình ảnh
B. Thiết bị lưu trữ, truyền và xử lý dữ liệu số
C. Thiết bị chỉ dùng để kết nối Internet
D. Thiết bị không cần kết nối với máy tính

Đáp án đúng: B

Câu 87. Loại kết nối nào sau đây sử dụng cáp tín hiệu VGA hoặc HDMI?
A. Kết nối không dây qua Bluetooth
B. Kết nối có dây
C. Kết nối xa qua Internet
D. Kết nối không dây qua WiFi

Đáp án đúng: B

Câu 88. Một thiết bị số thông dụng mà học sinh từng kết nối với máy tính trong lớp dưới là gì?
A. Máy chiếu
B. Điện thoại thông minh
C. Chuột
D. Thiết bị nhà thông minh

Đáp án đúng: C

Câu 89. Công cụ nào được sử dụng để kết nối máy tính với điện thoại trong “Nhiệm vụ 2, Bài 22. Thực hành kết nối các thiết bị số”?

A. Cáp HDMI
B. Bluetooth
C. Ứng dụng nhà thông minh
D. WiFi

Đáp án đúng: B

Câu 90. Một ví dụ về thiết bị số được đề cập trong “Nhiệm vụ 4, Bài 22. Thực hành kết nối các thiết bị số” để học sinh tìm hiểu thêm là gì?
A. Máy in
B. Vòng đeo tay thông minh
C. Bàn phím
D. Ổ đĩa CD/DVD

Đáp án đúng: B

* Thông hiểu:

Câu 91. Tại sao kết nối có dây bằng cáp HDMI lại được sử dụng để kết nối máy tính với máy chiếu?
A. Vì nó cho phép điều khiển máy chiếu từ xa
B. Vì nó truyền thông tin từ màn hình máy tính lên màn hình lớn hơn
C. Vì nó không cần nguồn điện để hoạt động
D. Vì nó thay thế hoàn toàn kết nối Bluetooth

Đáp án đúng: B

Câu 92. Tại sao kết nối Bluetooth được gọi là kết nối không dây trong phạm vi gần?
A. Vì nó yêu cầu cáp tín hiệu để hoạt động
B. Vì nó chỉ hoạt động trong khoảng cách ngắn mà không cần dây
C. Vì nó cần Internet để truyền dữ liệu
D. Vì nó dùng để điều khiển thiết bị nhà thông minh

Đáp án đúng: B

Câu 93. Tại sao thiết bị nhà thông minh cần kết nối qua Internet trong “Nhiệm vụ 3, Bài 22. Thực hành kết nối các thiết bị số”?
A. Vì nó chỉ hoạt động khi ở gần điện thoại
B. Vì nó cho phép điều khiển từ xa thông qua ứng dụng
C. Vì nó không cần mạng để truyền dữ liệu
D. Vì nó thay thế kết nối Bluetooth

Đáp án đúng: B

Câu 94. Tại sao học sinh cần bật Bluetooth và ghép đôi trong Nhiệm vụ 2, “Bài 22. Thực hành kết nối các thiết bị số” để truyền tệp từ máy tính sang điện thoại?
A. Vì đó là bước duy nhất để kết nối qua Internet
B. Vì ghép đôi đảm bảo hai thiết bị nhận diện nhau trước khi truyền dữ liệu

C. Vì nó thay thế việc sử dụng cáp HDMI
D. Vì nó không cần thao tác nào khác ngoài bật Bluetooth

Đáp án đúng: B

Câu 95. Tại sao vòng đeo tay thông minh được đề cập trong Nhiệm vụ 4, “Bài 22. Thực hành kết nối các thiết bị số” lại hữu ích trong cuộc sống?
A. Vì nó chỉ dùng để hiển thị hình ảnh
B. Vì nó theo dõi sức khỏe và đồng bộ dữ liệu với máy tính hoặc điện thoại
C. Vì nó thay thế hoàn toàn máy chiếu
D. Vì nó không cần kết nối với thiết bị khác

Đáp án đúng: B

* Vận dụng:

Câu 96. Một học sinh cần trình chiếu bài thuyết trình từ máy tính lên máy chiếu nhưng màn hình máy chiếu không hiển thị. Theo bài học “Bài 22. Thực hành kết nối các thiết bị số”, bước nào sau đây nên thực hiện đầu tiên để khắc phục trong Nhiệm vụ 1?

A. Thay ngay cáp HDMI bằng cáp mới

B. Kiểm tra xem cáp HDMI đã được cắm chắc chắn và chọn đúng chế độ hiển thị chưa

C. Bật Bluetooth để kết nối thay thế

D. Tắt máy tính và khởi động lại mà không kiểm tra

Đáp án đúng: B

Câu 97. Một học sinh cố gắng truyền ảnh từ máy tính sang điện thoại qua Bluetooth nhưng không thành công dù đã bật Bluetooth. Theo bài học “Bài 22. Thực hành kết nối các thiết bị số”, bước nào sau đây nên thực hiện để xử lý lỗi trong Nhiệm vụ 2?
A. Chuyển sang dùng cáp HDMI để truyền ảnh
B. Kiểm tra xem hai thiết bị đã ghép đôi thành công qua Bluetooth chưa
C. Tắt điện thoại và khởi động lại mà không kiểm tra
D. Dùng ứng dụng nhà thông minh để truyền ảnh

Đáp án đúng: B

Câu 98. Một học sinh muốn bật đèn nhà thông minh bằng điện thoại nhưng đèn không phản hồi dù đã cài ứng dụng. Theo bài học “Bài 22. Thực hành kết nối các thiết bị số”, giải pháp nào sau đây nên thử trong Nhiệm vụ 3?
A. Đặt điện thoại gần thiết bị hơn và kiểm tra kết nối Internet
B. Thay ngay thiết bị nhà thông minh bằng thiết bị mới
C. Dùng cáp HDMI để kết nối điện thoại với đèn
D. Tắt ứng dụng và dùng Bluetooth thay thế

Đáp án đúng: A

Câu 99. Một nhóm học sinh được yêu cầu kết nối không dây máy tính với TV trong hoạt động vận dụng. Theo bài học “Bài 22. Thực hành kết nối các thiết bị số”, phương thức nào sau đây là phù hợp để thực hiện?
A. Dùng cáp VGA để kết nối trực tiếp
B. Sử dụng WiFi để kết nối không dây giữa máy tính và TV
C. Dùng Bluetooth để truyền hình ảnh từ máy tính sang TV
D. Cài ứng dụng nhà thông minh để điều khiển TV

Đáp án đúng: B

Câu 100. Một học sinh muốn đồng bộ dữ liệu từ vòng đeo tay thông minh với điện thoại trong hoạt động vận dụng nhưng không thấy dữ liệu cập nhật. Theo em, bạn nên làm gì để khắc phục?
A. Kiểm tra xem vòng đeo tay và điện thoại đã kết nối qua Bluetooth hoặc ứng dụng chưa
B. Dùng cáp HDMI để kết nối trực tiếp vòng đeo tay với điện thoại
C. Tắt vòng đeo tay và không kiểm tra kết nối
D. Chuyển sang dùng kết nối Internet thay vì Bluetooth

Đáp án đúng: A

*** Trắc nghiệm Đúng/Sai**

Câu 16. Trong bài học "Thực hành kết nối các thiết bị số", học sinh được giới thiệu về thiết bị số và các phương thức kết nối như kết nối có dây (dùng cáp HDMI), không dây (Bluetooth), và qua Internet (thiết bị nhà thông minh). Một tình huống thực hành yêu cầu kết nối máy tính với máy chiếu để trình chiếu bài học. Hãy xác định tính đúng/sai của các phát biểu sau:

a. Thiết bị số là thiết bị lưu trữ, truyền và xử lý dữ liệu số.

b. Cáp HDMI là một loại cáp dùng trong kết nối có dây.

c. Kết nối Bluetooth được sử dụng để điều khiển thiết bị nhà thông minh từ xa qua Internet.

d. Khi kết nối máy tính với máy chiếu bằng cáp HDMI không hiển thị, cần kiểm tra chế độ hiển thị trước khi thay cáp mới.

Đáp án:

a. Đúng (Mức Biết: Định nghĩa thiết bị số từ hoạt động khởi động).

b. Đúng (Mức Biết: Nhận biết cáp HDMI từ Nhiệm vụ 1).

c. Sai (Mức Hiểu: Bluetooth không dùng Internet, khác với thiết bị nhà thông minh, Nhiệm vụ 2 và 3).

d. Đúng (Mức Vận dụng: Xử lý lỗi kết nối trong Nhiệm vụ 1).

Câu 17. Bài học yêu cầu học sinh thực hành kết nối máy tính với điện thoại qua Bluetooth để truyền tệp tin, như ảnh hoặc tài liệu. Quá trình này bao gồm bật Bluetooth, ghép đôi, và truyền dữ liệu, nhưng đôi khi gặp lỗi nếu thao tác không chính xác. Hãy xác định tính đúng/sai của các phát biểu sau:

a. Chuột là một ví dụ về thiết bị số đã được kết nối với máy tính trong lớp dưới.

b. Kết nối không dây qua Bluetooth là một trong ba loại kết nối được đề cập trong bài học.

c. Kết nối qua Internet giúp truyền tệp tin giữa máy tính và điện thoại trong phạm vi gần.

d. Nếu truyền tệp qua Bluetooth không thành công, học sinh có thể kiểm tra xem hai thiết bị đã ghép đôi chưa.

Đáp án:

a. Đúng (Mức Biết: Nhận biết chuột từ khởi động).

b. Đúng (Mức Biết: Nhận biết Bluetooth từ Thiết bị số và nhà thông minh).

c. Sai (Mức Hiểu: Internet dùng cho kết nối xa, không phải truyền tệp gần như Bluetooth, Nhiệm vụ 3).

d. Đúng (Mức Vận dụng: Xử lý lỗi trong Nhiệm vụ 2).

Câu 18. Trong bài học, học sinh thực hành kết nối điện thoại với thiết bị nhà thông minh qua Internet để điều khiển từ xa, chẳng hạn bật/tắt đèn thông minh. Ngoài ra, "Nhiệm vụ 4, Bài 22. Thực hành kết nối các thiết bị số" yêu cầu tìm hiểu thêm về các thiết bị số như vòng đeo tay thông minh. Một tình huống thực tế xảy ra khi đèn không phản hồi sau khi nhấn lệnh trên ứng dụng. Em hãy xác định tính Đúng/Sai của các phát biểu sau:

a. Vòng đeo tay thông minh là một thiết bị số được đề cập trong Nhiệm vụ 4.

b. Kết nối qua Internet là một loại kết nối được dùng trong bài học.

c. Cáp VGA được dùng để kết nối máy tính với điện thoại nhằm truyền dữ liệu.

d. Khi điều khiển thiết bị nhà thông minh không phản hồi, học sinh có thể đặt điện thoại gần thiết bị để cải thiện kết nối.

Đáp án:

a. Đúng (Mức Biết: Nhận biết từ Nhiệm vụ 4).

b. Đúng (Mức Biết: Nhận biết từ Thiết bị số và nhà thông minh).

c. Sai (Mức Hiểu: Cáp VGA dùng để trình chiếu, không phải truyền dữ liệu sang điện thoại, Nhiệm vụ 1).

d. Đúng (Mức Vận dụng: Áp dụng lưu ý trong Nhiệm vụ 3).

Câu 19. Bài học giới thiệu các thiết bị số thông dụng từ lớp dưới (như máy in) và thiết bị nhà thông minh trong thời đại 4.0. Học sinh cũng thực hành đồng bộ dữ liệu từ vòng đeo tay thông minh với điện thoại trong hoạt động vận dụng, nhưng đôi khi dữ liệu không cập nhật đúng. Em hãy xác định tính Đúng/Sai của các phát biểu sau:
a. Máy in là một thiết bị số thông dụng đã được kết nối với máy tính.
b. Thiết bị nhà thông minh là ví dụ về thiết bị IoT trong bài học.
c. Kết nối không dây qua Bluetooth cho phép điều khiển thiết bị từ xa qua Internet.
d. Để đồng bộ dữ liệu từ vòng đeo tay thông minh với điện thoại, học sinh cần kiểm tra kết nối Bluetooth hoặc ứng dụng.

Đáp án:
a. Đúng (Mức Biết: Nhận biết từ khởi động).
b. Đúng (Mức Biết: Nhận biết từ Thiết bị số và nhà thông minh).
c. Sai (Mức Hiểu: Bluetooth là kết nối gần, không dùng Internet, Nhiệm vụ 2).
d. Đúng (Mức Vận dụng: Xử lý lỗi trong Hoạt động vận dụng).

Câu 20. Trong bài học "Kết nối các thiết bị số", học sinh thực hành kết nối không dây giữa máy tính và TV bằng WiFi trong hoạt động vận dụng, bên cạnh các kết nối khác như cáp VGA và Bluetooth. Một tình huống xảy ra khi nội dung từ máy tính không hiển thị trên TV dù đã kết nối. Em hãy xác định tính đúng/sai của các phát biểu sau:
a. Kết nối có dây sử dụng cáp tín hiệu như VGA hoặc HDMI.
b. Điện thoại thông minh là một thiết bị số được dùng trong Nhiệm vụ 2 và 3.
c. Kết nối qua Internet luôn nhanh hơn kết nối Bluetooth vì không có độ trễ.
d. Khi kết nối máy tính với TV qua WiFi không thành công, học sinh có thể kiểm tra cài đặt mạng để khắc phục.

Đáp án:
a. Đúng (Mức Biết: Nhận biết từ Nhiệm vụ 1).
b. Đúng (Mức Biết: Nhận biết từ Nhiệm vụ 2 và 3).
c. Sai (Mức Hiểu: Internet có thể trễ do tốc độ mạng, không luôn nhanh hơn Bluetooth, Nhiệm vụ 3).
d. Đúng (Mức Vận dụng: Xử lý lỗi trong Hoạt động vận dụng).